

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **131/2018/DS-PT**
Ngày: 19-11-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ **lý số** 119/2018/TLDS-PT ngày 05 tháng 10 năm 2018 **về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”**.

Do **Bản án Dân sự sơ thẩm số** 28/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **297/2018/QĐ-PT** ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị D**, sinh năm 1975
Trú tại: TDP. ĐT, TT. ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Đình N**, sinh năm 1974
Trú tại: Số 66 thôn TĐ, xã TH, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 10/10/2018*).

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Tăng Ngọc L**, sinh năm 1975
Bà **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1981
Trú tại: Số 35, TDP. ĐK, TT. ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Ông **Trần Văn Th**, sinh năm 1966
Trú tại: TDP. TT, TT. ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện theo ủy quyền:
- Chị **Trần Thị Ánh L1**, sinh năm 1989

Trú tại: TDP. TT, TT. ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng (*văn bản ủy quyền ngày 09/02/2018 và ngày 07/8/2018*)

- Ông **Đỗ Như L2**, sinh năm 1971

Trú tại: Số 62 NQ, phường 7, quận 5, Tp. HCM (*văn bản ủy quyền ngày 07/8/2018*).

2. Chị **Trần Thị Ánh L1**, sinh năm 1989

Trú tại: TDP. TT, TT. ĐV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo*: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th.

(Ông N, chị L1 có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Vũ Thị D trình bày:

Ngày 30/10/2017 vợ chồng ông L, bà Ng có vay của bà số tiền 400.000.000đ. Khi vay, bà Ng trực tiếp viết giấy vay với bà D.

Ngày 03/11/2017 ông L, bà Ng vay thêm 300.000.000đ, khi vay bà Ng trực tiếp viết giấy tay với bà D, hẹn sau 10 ngày sẽ trả đủ gốc và lãi. Sau đó, ông L, bà Ng đã trả được 100.000.000đ, số tiền này do bà Ng trực tiếp giao cho bà D. Ông L, bà Ng còn nợ lại 200.000.000đ.

Ngày 04/11/2017 ông L, bà Ng vay thêm 850.000.000đ, bà Ng viết giấy tay, hẹn thứ năm cuối tuần sẽ trả đủ gốc và lãi. Sau đó bị đơn trả được 500.000.000đ, còn nợ lại 350.000.000đ.

Cùng ngày 04/11/2017 ông L, bà Ng vay thêm 270.000.000đ, bà Ng viết giấy với bà D.

Tổng cộng số tiền hiện nay ông L, bà Ng còn nợ là 1.220.000.000đ. Mặc dù bà D đã đòi nhiều lần nhưng ông L, bà Ng không trả nên bà khởi kiện yêu cầu ông L, bà Ng phải trả số tiền gốc là 1.220.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến khi vụ án được giải quyết xong.

Trong quá trình bà D đang tranh chấp với bị đơn thì bị đơn có hành vi tẩu tán tài sản, lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ các tài sản là quyền sử dụng đất đứng tên ông L, bà Ng (15 sổ đỏ) cho ông Trần Văn Th (cậu ruột bà Ng) với giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 100.000.000đ. Do đó, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị đơn đối với bà D khi vụ án được giải quyết xong, bà D đã có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông L, bà Ng đối với diện tích đất thửa 1090 và diện tích đất thửa 673 cùng tờ bản đồ 33, TT. ĐV. Nay bà D đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2017/QĐ-ADBPCKTT ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện LH cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho bà D.

Bị đơn ông L, bà Ng không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì ông L, bà Ng có ủy quyền cho ông Hoàng Thế Nh có ý kiến trình bày:

Thừa nhận có việc vay mượn và nợ bà D số tiền 1.220.000.000đ như bà D đã trình bày. Nay bà D khởi kiện thì ông L, bà Ng đồng ý trả tiền gốc 1.220.000.000đ, tiền lãi theo yêu cầu của bà D thì ông bà không đồng ý vì quá trình vay giữa hai bên không có thỏa thuận lãi.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện LH thì bị đơn xác định có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Th. Vấn đề này liên quan đến quyền lợi của ông Th nên ông Th sẽ có yêu cầu cụ thể. Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2018 ông Hoàng Thế Nh có thông báo về việc từ chối ủy quyền của ông L, bà Ng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ánh L1 trình bày:

Ngày 17/11/2017 chị L1 cùng ông Trần Văn Th có trực tiếp đến Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch ĐTr (BIDV ĐTr) nộp số tiền 1.910.845.205đ, tất toán hợp đồng vay của ông L, bà Ng (do chị L1 đứng tên trên chứng từ thanh toán) để bà Ng, ông L rút toàn bộ số đồ đang thế chấp tại Ngân hàng ra làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Th. Chị L1 xác định, mặc dù trên chứng từ thể hiện chị là người nộp tiền nhưng thực tế toàn bộ số tiền 1.910.845.205đ nộp vào BIDV ĐTr ngày 17/11/2017 là của ông Trần Văn Th, chị L1 không liên quan nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th do chị Trần Thị Ánh L1 đại diện trình bày:

Chị L1 là con ruột của ông Th, ông Th là em trai của mẹ đẻ bà Ng. Vào ngày 15/11/2017 bị đơn có liên hệ với ông và trao đổi hiện tại bị đơn không có khả năng trả nợ gốc và lãi Ngân hàng nên đề nghị ông Th nhận sang nhượng lại toàn bộ diện tích đất (15 sô đồ) để tạo điều kiện cho gia đình, người thân đang ở trên đất có chỗ ở ổn định làm ăn để trả nợ. Do đang có nhu cầu mở trang trại tại TĐp. ĐK, TT. ĐV, huyện LH nên ông Th đồng ý nhận sang nhượng 15 lô đất của bị đơn gồm:

Diện tích đất thửa 308; 1090; 1195; 374, 382, 405, 534, 536, 559, 617, 638; 673; 46, 47, 48; 291, 290, 299, 297; 317, 312; 820, 817, 816, 821, thuộc tờ bản đồ 33, TT. ĐV, huyện LH.

Diện tích thửa 41, 42, 43; 167, 168, 169, 173, 174; 1563, 1564; 123, 124, 125, 126, 127, 128; 1536, 31, 51, 52, 53, 54, thuộc tờ bản đồ 32, TT. ĐV, huyện LH.

Giá trị chuyển nhượng là 2.800.000.000đ, ông đã thanh toán hết tiền cho bị đơn, trong đó 1.910.845.205đ trả tại BIDV ĐTr để tất toán hợp đồng vay của ông L, bà Ng (do chị L1 đứng tên trên chứng từ thanh toán) để rút toàn bộ giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng ra làm thủ tục chuyển nhượng; số tiền còn lại ông đã thanh toán hết cho bị đơn ngay tại Ngân hàng vào ngày 17/11/2017 có sự chứng kiến của cán bộ Ngân hàng. Tuy nhiên, khi hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng công chứng thì chỉ thể hiện giá trị chuyển nhượng là 100.000.000đ để giảm các chi phí liên quan đến thủ tục. Khi hai bên thực hiện thủ tục chuyển nhượng tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện LH thì Tòa án nhân dân huyện LH có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 13/12/2017 về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với diện tích đất thửa 673 và 1090, tờ bản đồ 33, TT. ĐV, huyện LH. Do vậy, đến nay giữa ông Th và bị đơn chưa hoàn tất thủ tục sang nhượng. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 13/12/2017, đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng chuyển nhượng giữa bị đơn với ông Th ngày 24/11/2017. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L1, ông Lưu đại diện cho ông Th bổ sung yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D, buộc vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải trả cho bà Vũ Thị D tổng số tiền 1.335.579.000đ, trong đó 1.220.000.000đ tiền gốc và 115.579.000đ tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay,

Chị L1 đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông Th, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Th, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, hoàn trả cho ông Th số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000541 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn có vay tiền vào các ngày 30/10/2017, ngày 03/11/2017 và ngày 04/11/2017 với tổng số tiền 1.220.000.000đ. Do bị đơn không trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th thì thấy rằng:

Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/11/2017, bên nhận chuyển nhượng chỉ có tên ông Trần Văn Th, không có tên bà Nguyễn Thị Ánh T (BL144-151). Bên cạnh đó, tại biên bản xác minh ngày 01/02/2018, ông Nguyễn Đức T1 – Trưởng Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T1 xác nhận: “...ngày 24/11/2017 ông Trần Văn Th và vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng trực tiếp đến liên hệ văn phòng để yêu cầu lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng” (BL154). Việc ông Th cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa bà Tuyết vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không có căn cứ.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng, Tòa án nhân dân huyện LH đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2017/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2017 phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng đối với diện tích đất thửa 673 và thửa 1090, tờ bản đồ 33, TT. ĐV, huyện LH. Theo đó, ngày 14/12/2017 Tòa án nhân dân huyện LH đã tổng đạt Quyết định trên cho ông Trần Văn Th (BL60). Tuy nhiên, ông Th không thực hiện quyền khiếu nại theo quy định tại Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đến ngày 22/01/2018 ông Th mới có đơn yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2017/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện LH, yêu cầu tiếp tục duy trì một phần hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng ông L, bà Ng với ông Th ngày 24/11/2017 đối với thửa 673, thửa 1090, tờ bản đồ 33, TT. ĐV, huyện LH và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông L, bà Ng với ông Th (BL92). Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2018, chị Trần Thị Ánh L1 – đại diện theo ủy quyền của ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu trên (BL239). Do đó, Tòa án nhân dân huyện LH đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 92/TB-TA ngày 17/5/2018 và tổng đạt hợp lệ cho ông Th. Tuy nhiên, quá thời hạn theo yêu cầu ông Th không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Th xuất trình biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000541 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, ông Th thừa nhận do sơ suất nên không nộp cho Tòa án đúng hạn. Xét thấy, việc ông Th có yêu cầu độc lập nhưng không nộp biên lai thu tiền tạm

ứng án phí cho Tòa án, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu độc lập của ông mà tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xử lý tiền tạm ứng án phí mà ông Th đã nộp là chưa triệt để. Do vậy, cần tuyên trả lại cho ông Th số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000541 ngày 23/5/2018.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Th, sửa bản án sơ thẩm về án phí như đã nhận định.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án nên ông Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D, buộc vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải trả cho bà Vũ Thị D tổng số tiền 1.335.579.000đ, trong đó 1.220.000.000đ tiền gốc và 115.579.000đ tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải thanh toán lại cho bà Vũ Thị D số tiền 8.590.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản.

3. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Tăng Ngọc L, bà Phạm Thị Ng phải chịu 52.067.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị D số tiền 24.300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003299 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

Hoàn trả cho ông Trần Văn Th số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000541 ngày 23/5/2018 và số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000759 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LD;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện LH;
- Chi cục THADS huyện LH;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt